

**BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**

NGUYỄN VĂN HÙNG

**QUẢN LÝ ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ
THEO TIẾP CẬN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**

Chuyên ngành: **QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

Mã số: **62.14.01.14**

**TÓM TẮT
LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC**

Hà Nội - 2016

Công trình hoàn thành tại
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học

1. PGS.TS. Đặng Thành Hưng

2. TS. Mai Công Khanh

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Viện họp tại: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 101 Trần Hưng Đạo, Hà Nội, vào ngày ... tháng ... năm 2016

Có thể tìm đọc Luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- Thư viện Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. **Nguyễn Văn Hùng (2013)**, “Một số vấn đề về phát triển nguồn nhân lực và giáo dục dạy nghề ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí nghiên cứu Con người*, số 2(65) 2013, tr. 30-44.
2. **Nguyễn Văn Hùng (2014)**, “Quản lý đào tạo nghề theo hướng tiếp cận đảm bảo chất lượng trong phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí nghiên cứu Con người*, số 6(75) 2014, tr. 35-48.
3. **Nguyễn Văn Hùng (2015)**, “Khung hệ thống đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo bên trong của trường cao đẳng nghề”, *Tạp chí Dạy và Học ngày nay*, (11/2015), tr. 49-51.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Sự nghiệp CNH, HĐH đất nước đang đòi hỏi nhu cầu về nguồn nhân lực – một lực lượng đông đảo có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, có phẩm chất đạo đức, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nền kinh tế trong xu thế cạnh tranh và hội nhập. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề như là một tất yếu khách quan, một yêu cầu hết sức cấp thiết, không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nguồn nhân lực mà còn ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu CNH, HĐH đất nước.

Thực hiện QLĐT nghề theo tiếp cận ĐBCL có ý nghĩa quan trọng nhằm ngăn ngừa nguy cơ lạc hậu và tụt hậu. Đối với nhà nước, là một công cụ hữu hiệu trong việc quản lý vĩ mô, nâng cao chất lượng đào tạo nghề, cũng như đảm bảo quyền lợi của người học nghề đáp ứng nhu cầu của xã hội. Từ đó, có thể đề ra các chính sách đầu tư có hiệu quả, người học sau khi tốt nghiệp có cơ hội tìm kiếm việc làm và có khả năng học tập nâng cao trình độ, các nhà tuyển dụng cũng yên tâm trong việc tuyển chọn lao động phù hợp với nhu cầu.

Mặc dù có vai trò quan trọng như vậy, song ở Việt Nam hiện nay mô hình QLĐT của trường CDN theo tiếp cận ĐBCL chưa được xây dựng một cách hệ thống, điều này dẫn đến việc đánh giá chất lượng người lao động gặp nhiều khó khăn do chưa có được tiêu chuẩn đánh giá chung, chương trình đào tạo còn nhiều điểm chưa tương đồng, sự chênh lệch về chất lượng đào tạo, ... đã ảnh hưởng đến khả năng tìm việc và làm việc của người lao động. Trong bối cảnh thực tiễn và lý luận đó, tác giả chọn nghiên cứu đề tài "**Quản lý đào tạo của trường CDN theo tiếp cận đảm bảo chất lượng**" làm đề tài nghiên cứu của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Xây dựng khung lý luận làm tiền đề nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp QLĐT của trường CDN theo tiếp cận ĐBCL.

3. Khách thể, đối tượng nghiên cứu

- Khách thể nghiên cứu: QLĐT của trường CDN.

- Đối tượng nghiên cứu: QLĐT của trường CDN theo tiếp cận ĐBCL.

4. Giả thuyết khoa học

Nếu các giải pháp QLĐT của trường CDN dựa vào nhận thức đúng bối cảnh phát triển của nhà trường và được đảm bảo bằng những tác động có tính hệ thống về hành

chính, kinh tế, công nghệ, nhân sự và chuyên môn, thì chúng sẽ có ảnh hưởng tích cực đến hiệu lực quản lí và kết quả đào tạo.

5. Nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu

- Nhiệm vụ nghiên cứu:

(1) Xây dựng cơ sở lí luận của QLĐT theo tiếp cận ĐBCL của trường CĐN.

(2) Đánh giá thực trạng QLĐT của các trường CĐN ở khu vực Bắc Trung bộ và miền Trung theo tiếp cận ĐBCL.

(3) Đề xuất các giải pháp QLĐT của trường CĐN theo tiếp cận ĐBCL.

(4) Khảo nghiệm tính cấp thiết và khả thi của các giải pháp do đề tài luận án đề xuất.

(5) Lựa chọn giải pháp để thử nghiệm.

- Phạm vi nghiên cứu: Được giới hạn đến những yếu tố tác động về QLĐT của 6 trường CĐN theo tiếp cận ĐBCL khu vực Bắc Trung bộ và miền Trung.

6. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu lí luận, các quan điểm tiếp cận như sau: tiếp cận hệ thống, tiếp cận phức hợp, tiếp cận thị trường. Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau: Phương pháp khảo sát; Phương pháp tổng kết kinh nghiệm; Phương pháp bổ trợ; Phương pháp thống kê; Phương pháp chuyên gia, Phương pháp phỏng vấn, Phương pháp quan sát.

7. Luận điểm bảo vệ

- QLĐT theo tiếp cận ĐBCL của trường CĐN là cấp độ phù hợp, quyết định chất lượng và hiệu quả đào tạo.

- Đánh giá đúng thực trạng, đề xuất và triển khai đồng bộ các giải pháp QLĐT theo tiếp cận ĐBCL của trường CĐN là yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa quyết định trong việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH quê hương, đất nước.

8. Đóng góp mới của luận án

- Xác định được những yếu tố tác động đến QLĐT theo tiếp cận ĐBCL của trường CĐN.

- Đánh giá thực trạng về QLĐT của trường CĐN, từ đó chỉ ra những ưu điểm, hạn chế cần khắc phục.

- Đề xuất các giải pháp QLĐT theo tiếp cận ĐBCL của trường CĐN.

9. Nơi thực hiện đề tài nghiên cứu

- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- 6 trường CĐN thuộc khu vực Bắc Trung bộ và miền Trung.

10. Cấu trúc luận án

Luận án gồm: **Phần mở đầu, ba chương, kết luận và khuyến nghị**

Mở đầu: Những vấn đề chung

Chương 1: Cơ sở lý luận về QLĐT của trường CĐN theo tiếp cận ĐBCL.

Chương 2: Thực trạng QLĐT của trường CĐN.

Chương 3: Các giải pháp QLĐT của trường CĐN theo tiếp cận ĐBCL.

Kết luận và khuyến nghị.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THEO TIẾP CẬN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Vấn đề chất lượng giáo dục nói chung và CLĐT nói riêng là một trong những quan tâm lớn của các nền giáo dục hiện nay trên thế giới và Việt Nam. Đảm bảo chất lượng đào tạo của các cơ sở ĐT nói chung cũng như ở trường CĐN nói riêng và việc QLĐT theo tiếp cận ĐBCL đang là một xu hướng được các tác giả, các nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm.

Đây là những vấn đề liên quan căn bản đến đề tài nghiên cứu, giúp tác giả có cái nhìn tổng thể, phù hợp trong việc lựa chọn các mô hình, quy trình, phương pháp đánh giá cho phù hợp với việc QLĐT tại trường CĐN theo tiếp cận ĐBCL. Chính vì vậy, thông qua tổng quan nghiên cứu các mô hình quản lý giáo dục - ĐT của các cơ sở ĐT trong nước, nước ngoài của các nghiên cứu đã đi trước, chúng tôi sẽ có căn cứ luận cho việc đề xuất giải pháp QLĐT tại trường CĐN theo tiếp cận ĐBCL.

1.2. Đặc trưng về đào tạo và quản lý của trường cao đẳng nghề

1.2.1. Vị trí và tầm quan trọng của trường cao đẳng nghề

Đối với hệ thống giáo dục đào tạo nghề, xét về vị trí thì các trường CĐN ở mức cao nhất của hệ thống, góp phần hoàn thiện hệ thống giáo dục đào tạo nghề, tạo sự tương quan với giáo dục đào tạo chuyên nghiệp.

1.2.2. Mục tiêu và nội dung đào tạo

Mục tiêu dạy nghề trình độ cao đẳng đã được quy định trong “Luật Dạy nghề”: “Dạy nghề trình độ cao đẳng nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực

hành các công việc của một nghề, có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm...”.

1.2.3. Chương trình đào tạo

Chương trình dạy nghề trình độ cao đẳng quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức dạy nghề; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với mỗi mô-đun, môn học, mỗi nghề.

1.2.4. Các điều kiện đảm bảo

1.2.4.1. *Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên*

1.2.4.2. *Cơ sở vật chất, trang thiết bị*

1.2.5. Mối quan hệ với doanh nghiệp sử dụng lao động

1.3. Đảm bảo chất lượng của trường cao đẳng nghề

1.3.1. Chất lượng và chất lượng trong giáo dục và đào tạo

a) Chất lượng theo nghĩa tuyệt đối: Chất lượng thường được sử dụng theo nghĩa tuyệt đối – đó chính là thuộc tính hay bản chất của chất lượng. Với nghĩa tuyệt đối, sản phẩm hay dịch vụ cần chứng tỏ chất lượng là chuẩn cao nhất có thể có mà không thể vượt qua. Nó là lí tưởng, hoàn hảo, vượt trội, xuất sắc mà ai cũng phải công nhận. Chúng đồng nghĩa với chất lượng cao nhất hay chất lượng hàng đầu, mà phần lớn mọi người đều ngưỡng mộ nó, nhiều người muốn nó, ít người có thể có chúng.

b) Chất lượng theo nghĩa tương đối: Chất lượng của sản phẩm hay dịch vụ chỉ mang lại ý nghĩa khi nó được ai sử dụng và sử dụng như thế nào; và chất lượng có nhiều lớp nên có thể sử dụng khái niệm chất lượng theo nghĩa tương đối để xem xét chất lượng không như là thuộc tính hay bản chất của sản phẩm hay dịch vụ, mà là cái mà con người gán “nhãn” cho nó, như: chất lượng sẽ khác nhau nằm trong khoảng từ “kém chất lượng”, “đạt chất lượng”, “chất lượng tốt” đến “chất lượng hoàn hảo hay tuyệt vời”.

c) Chất lượng thực tế và chất lượng biến đổi: Theo nghĩa tương đối, chất lượng còn được hiểu theo 02 cách khác nhau: Chất lượng thực tế (Qualiti in Fact) và chất lượng biến đổi (Transformational Qualiti).

1.3.2. Quản lý chất lượng trong giáo dục và đào tạo

a) *Quan niệm và mục tiêu của QLCL trong giáo dục và đào tạo: QLCL trong giáo dục và đào tạo* được xem là hệ thống các cơ chế và quy trình được sử dụng

để ĐBCL thông qua cải tiến liên tục chất lượng hoạt động của hệ thống giáo dục hay cơ sở giáo dục hoặc lớp học.

Mục tiêu của QLCL trong giáo dục và đào tạo là nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc lôi cuốn tham dự của tất cả các bên liên quan trong và ngoài hệ thống giáo dục và/hay cơ sở giáo dục hoặc lớp học để cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

b) *Nguyên tắc QLCL trong giáo dục và đào tạo*: Áp dụng 14 nguyên tắc QLCL của Deming vào quá trình giáo dục và đào tạo, cần phải thực hiện các nguyên tắc của QLCL.

c) Các cấp độ QLCL trong giáo dục và đào tạo: Kiểm soát chất lượng; Đảm bảo chất lượng; TQM.

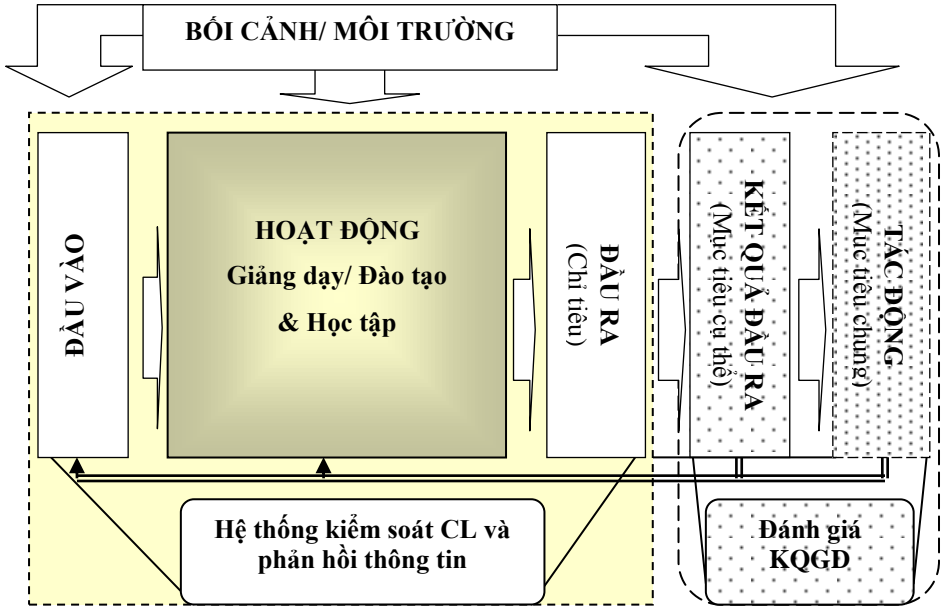
1.3.3. Bản chất và quy trình đảm bảo chất lượng đào tạo của trường cao đẳng nghề

1.3.3.1. Bản chất đảm bảo chất lượng đào tạo của trường cao đẳng nghề

a) *Khái niệm và mục tiêu*: ĐBCL đào tạo của trường CĐN là hệ thống các cơ chế và các quy trình dựa trên các tiêu chí chất lượng, được sử dụng để kiểm soát chất lượng nhằm cải tiến liên tục chất lượng đào tạo đảm bảo ngăn chặn được các sai sót trước khi nó xảy ra trong trường CĐN.

Mục tiêu của ĐBCL đào tạo là nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc cải tiến liên tục và phát triển các hoạt động hay quá trình đào tạo và KQGD, thông qua cách lôi cuốn và làm hài hòa các nỗ lực của tất cả các bên liên quan trong và ngoài hệ thống của trường CĐN, để không chỉ phát huy hết năng lực và nhiệt tình, mà còn lôi cuốn họ tham gia vào cải tiến liên tục như thế nào để ĐBCL đào tạo của trường CĐN.

b) *Bản chất*: Vận dụng mô hình khung logic và CIPO cho thấy *bản chất* hay *cơ chế hoạt động của quá trình đào tạo* của trường CĐN được cấu trúc (xem Hình 1.3).



Hình 1.3. Bản chất ĐBCL đào tạo của trường CDN

1.3.3.2. Quy trình đảm bảo chất lượng đào tạo của trường cao đẳng nghề

Quy trình ĐBCL của trường CDN cụ thể là: Tự đánh giá; Đánh giá trong; Đánh giá ngoài; Kiểm định.

1.3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý đào tạo của trường cao đẳng nghề

1.3.4.1. Thông tin về nhu cầu chất lượng nguồn nhân lực của xã hội

1.3.4.2. Năng lực của nhà lãnh đạo, quản lý nhà trường

1.3.4.3. Các chính sách về đào tạo nghề

1.4. Khung và tiêu chí quản lý đào tạo của trường cao đẳng nghề theo tiếp cận đảm bảo chất lượng

1.4.1. Sứ mạng, giá trị, tầm nhìn, chiến lược và mục tiêu chung, cụ thể phát triển trường cao đẳng nghề

Sứ mạng, các giá trị và tầm nhìn là điểm khởi đầu của bất kỳ hệ thống QLCL nói chung và ĐBCL nói riêng mà trường CDN theo đuổi và tạo nên sự khác biệt. Chúng được sử dụng để dẫn dắt, tạo động lực và hình thành hệ thống ĐBCL cũng như văn hóa chất lượng.

1.4.2. Đầu vào

1.4.2.1. Tổ chức phát triển chương trình đào tạo

a) *Tổ chức phát triển chuẩn đầu ra:* đáp ứng yêu cầu xã hội, đòi hỏi phải lôi cuốn được các bên liên quan (cấp quản lý, người dạy, bên sử dụng lao động, doanh nghiệp, người tốt nghiệp...) tham gia vào quá trình thiết kế chuẩn đầu ra.

b) *Tổ chức phát triển chương trình đào tạo dựa vào chuẩn đầu ra:* Chuẩn đầu ra cần được chuyển tải vào chương trình đào tạo và được cụ thể hóa thành kiến thức, kỹ năng và thái độ. Chương trình đào tạo còn phải phản ánh được sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu phát triển của trường CĐN.

1.4.2.2. Đảm bảo chất lượng tuyển sinh

Chất lượng người học tốt nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng đầu vào của người học, nên chất lượng của người học nhập học là rất quan trọng. Vì vậy, trường CĐN phải có chính sách tuyển sinh với các tiêu chí hay yêu cầu nhập học/tuyển sinh rõ ràng với từng chương trình đào tạo theo ngành/ngành.

1.4.2.3. Đảm bảo chất lượng người dạy và nhân viên hỗ trợ

a) *Chất lượng người dạy:* Người dạy là nguồn học tập quan trọng nhất của người học, vì vậy, đòi hỏi người dạy phải: có đầy đủ kiến thức và hiểu biết về lĩnh vực/môn học mà mình đảm nhận giảng dạy; đồng thời phải có các kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết để truyền tải và giao tiếp kiến thức và hiểu biết của mình một cách hiệu quả tới người học trong từng bối cảnh giảng dạy cụ thể.

b) *Chất lượng nhân viên hỗ trợ:* Trường CĐN cần phải xây dựng được các tiêu chí về chất lượng của nhân viên hỗ trợ của riêng nhà trường dựa trên khung năng lực của các loại nhân viên hỗ trợ khác nhau phù hợp với các qui định chung của quốc gia.

c) *Phát triển nghề nghiệp cho người dạy và nhân viên hỗ trợ:* Trường CĐN cần phải tạo cơ hội cho người dạy và nhân viên hỗ trợ cải tiến nâng cao các kỹ năng của mình đạt tới trình độ chấp nhận được, đồng thời phải có cơ chế để điều chuyển những nhà giáo và nhân viên hỗ trợ ra khỏi nhiệm vụ giảng dạy hoặc vị trí việc làm đang đảm nhận nếu họ tiếp tục giảng dạy/đào tạo và làm việc không đạt hiệu quả.

1.4.2.4. Đảm bảo chất lượng cơ sở vật chất và phương tiện dạy học

Cơ sở vật chất, phương tiện dạy học và các nguồn lực khác của trường CĐN phải phù hợp với mục tiêu chung, cụ thể phát triển nhà trường, với chương trình

đào tạo đã được thiết kế, cũng như chiến lược giảng dạy/đào tạo và học tập đã được xác định từ trước.

1.4.3. Hoạt động đào tạo

1.4.3.1. Chiến lược giảng dạy/đào tạo và học tập

Người học cần được khuyến khích học tập tương tác nhằm cải tiến chất lượng học tập của mình cũng như môi trường giáo dục và đào tạo của trường CĐN.

1.4.3.2. Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy/đào tạo và học tập

Quá trình thiết kế chương trình đào tạo cần bắt đầu từ xây dựng chuẩn đầu ra. Để đảm bảo chương trình đào tạo cũng như môn học/học phần đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan và xã hội, đòi hỏi trường CĐN phải lôi cuốn được các bên liên quan tham dự vào quá trình phát triển cũng như tổ chức thực chương trình đào tạo, môn học/học phần và thi/kiểm tra/đánh giá.

1.4.3.3. Đánh giá tiến trình học tập của người học

Đánh giá người học nói chung và đánh giá tiến trình học tập của người học nói riêng là một trong các thành tố quan trọng nhất của hệ thống ĐBCL đào tạo của trường CĐN. Vì vậy, đánh giá người học cần bao phủ cả đánh giá tuyển sinh, đánh giá quá trình học tập, đánh giá thi tốt nghiệp và đánh giá theo dấu vết người học sau khi tốt nghiệp.

1.4.3.4. Đảm bảo chất lượng các dịch vụ tư vấn và hỗ trợ người học

Trường CĐN kiểm soát và hỗ trợ học tập của người học như thế nào để đạt tới chuẩn đầu ra đóng vai trò quan trọng trong ĐBCL đào tạo, nên cần phải xây dựng được một môi trường vật chất, xã hội và tâm lý tích cực giúp người học học tập có chất lượng.

1.4.4. Đầu ra và kết quả đầu ra

Để đánh giá hệ thống ĐBCL của trường CĐN, cần phải đánh giá không chỉ chất lượng của quá trình, mà cả kết quả của quá trình hay đầu ra. Trước hết cần xem xét tỷ lệ tốt nghiệp: Người tốt nghiệp có đạt tới các chuẩn về năng lực (kiến thức, kỹ năng và thái độ) đã xác định hay không? Họ có đạt tới chuẩn đầu ra hay không hay có đạt được các năng lực cần có đáp ứng cho yêu cầu của vị trí việc làm tương lai hay không?

1.4.5. Hệ thống và công cụ kiểm soát chất lượng, đánh giá và phản hồi thông tin

1.4.5.1. Hệ thống và công cụ kiểm soát chất lượng quá trình đào tạo

Sau khi phân tích đầu vào, quá trình và đầu ra, trường CĐN cần phải phân tích mức độ thỏa mãn của tất cả các bên liên quan xem: Họ suy nghĩ/đánh giá về hoạt động đào tạo và chất lượng đào tạo của nhà trường như thế nào? Làm thế nào để nhà trường biết được suy nghĩ đó? Vì vậy, trường CĐN cần thiết lập và vận hành một hệ thống thu thập và đo/đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan. Các thông tin thu thập được và kết quả đo/đánh giá cần được phân tích kỹ lưỡng để cải tiến các chương trình, chất lượng đào tạo và hệ thống ĐBCL của trường CĐN.

1.4.5.2. Phản hồi thông tin từ các bên liên quan

Trường CĐN phải xây dựng được hệ thống phản hồi thông tin từ các kết quả đánh giá thường xuyên và định kỳ chương trình đào tạo, môn học/học phần và kết quả học tập với sự tham dự của các bên liên quan.

1.5. Kinh nghiệm quốc tế trong quản lý đảm bảo chất lượng đào tạo nghề và bài học đối với nước ta

Luận án khái quát kinh nghiệm đảm bảo chất lượng trong giáo dục và đào tạo nghề ở các nước EU (EQAVET), Thái Lan, Hàn Quốc, Đức, Anh và Mỹ nhằm phân tích các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Kết luận Chương 1

Chương 1 luận án đã tổng quan các vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài ở phạm vi trong nước và nước ngoài một cách có chọn lọc về quản lý đào tạo theo tiếp cận ĐBCL ở các trường CĐN, một số nhận định về những vấn đề chưa được đề cập nghiên cứu. Luận án đưa ra các phương pháp và cách tiếp cận phù hợp với đề tài nghiên cứu cụ thể: phương pháp luận tuân theo thuyết duy vật biện chứng, duy vật lịch sử chủ nghĩa và một số tiếp cận như tiếp cận hệ thống, tiếp cận cung-cầu, tiếp cận thị trường... làm cơ sở để nghiên cứu tổng quan, nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu thực tiễn. Luận án đã tiếp cận theo khung lý thuyết CIPO kết hợp với nghiên cứu lý luận về quan điểm tiếp cận hệ thống, tiếp cận phức hợp, tiếp cận thị trường, các phương pháp khảo sát; tổng kết kinh nghiệm; thống kê; chuyên gia, phỏng vấn, quan sát... Luận án xây dựng khung lý luận về quản lý đào tạo của trường CĐN theo tiếp cận ĐBCL gồm 5 vấn đề: Sứ mạng, giá trị, tầm nhìn, chiến lược và mục tiêu chung, cụ thể phát triển trường cao đẳng nghề; Đầu vào; Hoạt động đào tạo; Đầu ra và kết quả đầu ra; Hệ thống và công cụ kiểm soát chất lượng, đánh giá và phản hồi thông tin

Luận án cũng đã nghiên cứu kinh nghiệm quản lý đào tạo nghề ở các nước EU (EQAVET), Thái Lan, Hàn Quốc, Đức, Anh và Mỹ nhằm phân tích các bài học kinh nghiệm rút ra một số bài học có thể áp dụng cho Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Đây cũng là cơ sở khoa học đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp của đề tài.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THEO TIẾP CẬN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

2.1. Khái quát về các trường cao đẳng nghề tham gia khảo sát

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ: Theo quy định của Điều lệ trường CĐN.

2.2. Mô tả phương pháp nghiên cứu thực trạng

2.2.1. Mục tiêu

2.2.2. Nội dung, công cụ và phương pháp

2.2.3. Đối tượng và qui mô khảo sát

Khảo sát 03 đối tượng liên quan: (1) CBQL (Ban giám hiệu, Lãnh đạo Khoa, bộ môn), NG và NV: **215** người; (2) Bên SDLĐ, chủ yếu là các doanh nghiệp: **28** đơn vị; (3) Người học (đang học và đã tốt nghiệp) tại 06 trường CĐN khu vực Bắc Trung bộ và miền Trung (Trường CĐN Việt – Hàn tại Vinh – Nghệ An; Trường CĐN số 04, Bộ Quốc phòng tại Vinh – Nghệ An; Trường CĐN Công nghệ Hà Tĩnh; Trường CĐN Việt – Đức Hà Tĩnh; Trường CĐN Thương mại – Du lịch tại Cửa Lò – Nghệ An; và Trường CĐN Công nghiệp Thanh Hóa): **323** người.

2.3. Thực trạng chất lượng đào tạo tại các trường cao đẳng nghề tham gia khảo sát

2.3.1. Cơ cấu tổ chức

2.3.2. Đội ngũ cán bộ viên chức

2.3.3. Ngành nghề và quy mô đào tạo của các trường

2.3.4. Cơ sở vật chất

2.4. Thực trạng đảm bảo chất lượng đào tạo tại các trường cao đẳng nghề tham gia khảo sát

2.4.1. Bối cảnh trong và ngoài

a) *Sứ mạng, giá trị, tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược và quy hoạch phát triển trường CĐN: CBQL, NG, NV đánh giá tốt sứ mạng, giá trị, tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược và quy hoạch phát triển trường CĐN phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, GD&ĐT của địa phương, ngành và đáp ứng được yêu/nhu cầu của các bên liên quan. Tuy nhiên, việc truyền tải sứ mạng, giá trị, tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược và quy hoạch phát triển trường CĐN cho tất cả đội ngũ NG, NV và các bên liên quan để họ hiểu rõ và cam kết thực hiện chưa được tốt.*

b) *Cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý của trường CĐN: CBQL, NG, NV đánh giá cơ cấu tổ chức nói chung và ĐBCL nói riêng của trường CĐN phù hợp tốt với cơ cấu ngành nghề và qui mô đào tạo của nhà trường. Tuy nhiên, sự cân bằng giữa định hướng phát triển và thiết lập các qui định chung (quản lý tập trung) và phân cấp/tự chủ trong thực hiện chưa thật hợp lý giữa các đơn vị trong trường.*

2.4.2. Đầu vào

a) *Tổ chức phát triển CĐR: Quá trình xây dựng, điều chỉnh CĐR lời cuốn được sự tham dự của các bên liên quan đảm bảo liên thông với các bậc học.*

b) *Tổ chức phát triển CTĐT dựa CĐR: CTĐT được xây dựng, điều chỉnh dựa trên CĐR cụ thể hóa thành kiến thức, kỹ năng và thái độ cần có để hình thành năng lực, cũng như thành chương trình các mô đun, môn học, bài thi tốt nghiệp.*

c) *Đảm bảo chất lượng tuyển sinh: Chính sách và qui định về tuyển sinh của trường CĐN rõ ràng, minh bạch và công bằng; và văn bản qui định về tuyển sinh được công bố công khai và dễ tiếp cận với các bên liên quan.*

d) *Đảm bảo chất lượng CBQL, NG và NV: CBQL và NG đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình.*

e) *Đảm bảo chất lượng CSVC, phương tiện dạy học/thực hành và tài chính: Hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đáp ứng được công tác đào tạo của nhà trường CĐN; Hạ tầng, CSVC và phương tiện dạy học, thực tập đáp ứng được các tiêu chí và qui định về mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp, sư phạm cũng như môi trường, an toàn, y tế...; Nhà trường huy động đủ nguồn tài chính và sử dụng đúng mục đích, qui định và hiệu quả.*

2.4.3. Hoạt động đào tạo

a) *Chiến lược đào tạo/giảng dạy và học tập: Chiến lược GD&HT lấy người học làm trọng tâm và đảm bảo học tập có chất lượng.*

b) *Tổ chức đào tạo/giảng dạy và học tập*: Công tác tổ chức đào tạo/giảng dạy và học tập của các trường CDN tham gia khảo sát được đa dạng hóa để đáp ứng yêu cầu của người học.

c) *Đánh giá tiến trình của người học*: Công tác đánh giá tiến trình của người học của các trường CDN tham gia khảo sát được đánh giá bao gồm cả đánh giá kết quả nhập học, quá trình học tập và tốt nghiệp

d) *ĐBCL các dịch vụ tư vấn và hỗ trợ người học*: Người học được tư vấn, hỗ trợ và phản hồi thông tin về học thuật phù hợp với tiến trình học tập

2.4.4. Kết quả đầu ra và mức độ hài lòng của các bên liên quan

a) *Kết quả đầu ra*: Tỷ lệ tốt nghiệp đáp ứng chỉ tiêu đã đề ra và tỷ lệ bỏ học ở mức độ chấp nhận được.

b) *Mức độ hài lòng của các bên liên quan*: Các bên liên quan chấp nhận chất lượng đào tạo của trường CDN.

2.4.5. Hệ thống và công cụ kiểm soát chất lượng, đánh giá và phản hồi thông tin

a) *Hệ thống và công cụ kiểm soát chất lượng quá trình đào tạo*: Phòng khảo thí và ĐBCL thực hiện tốt nhiệm vụ theo dõi kiểm soát/giám sát chất lượng quá trình đào tạo và phản hồi thông tin.

b) *Phản hồi thông tin từ các bên liên quan*: Cấu trúc thông tin phản hồi phù hợp với các đặc trưng của thị trường lao động.

2.5. Đánh giá chung về thực trạng đảm bảo chất lượng đào tạo tại các trường cao đẳng nghề tham gia khảo sát

2.5.1. Mặt mạnh

- *Sứ mạng, giá trị, tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược và quy hoạch phát triển* của các trường CDN tham gia khảo sát phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội. *Cơ cấu tổ chức nói chung và ĐBCL nói riêng* của trường CDN phù hợp với cơ cấu ngành nghề và qui mô đào tạo của nhà trường.

- *CĐR và CTĐT* phản ánh được sứ mạng, giá trị và tầm nhìn của nhà trường và đáp ứng được yêu cầu. *Cấu trúc CTĐT* chặt chẽ, cân bằng giữa lý thuyết, thực hành.

- Chính sách và qui định về *tuyển sinh* của trường CDN rõ ràng, minh bạch, công bằng và phù hợp với sự tham dự của các bên liên quan.

- Đội ngũ *CBQL, NG và NV* đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ và thỏa mãn nhu cầu của người học và các bên liên quan.

- *CSVC* (hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa); *phương tiện dạy học*/thực hành/thực tập; *thư viện*; hệ thống máy tính.. đáp ứng được công tác đào tạo của trường CĐN.

- *Tỷ lệ tốt nghiệp* đáp ứng được chỉ tiêu đã đề ra và tỷ lệ bỏ học ở mức độ chấp nhận được. Tỷ lệ người tốt nghiệp *tìm được việc làm* chấp nhận được.

- Các bên liên quan chấp nhận *chất lượng đào tạo* của trường CĐN.

2.5.2. Hạn chế

- Việc truyền tải sứ mạng, giá trị, tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược, quy hoạch phát triển về chất lượng và ĐBCL đào tạo của trường CĐN cho tất cả đội ngũ NG, NV và các bên liên quan để họ hiểu rõ và cam kết thực hiện chưa thật tốt.

- Phân định giữa định hướng phát triển và các qui định vận hành với quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội liên quan đến ĐBCL đào tạo/CTĐT giữa các đơn vị/bên liên quan trong nhà trường chưa rõ ràng và hợp lý.

- Chu trình cải tiến chất lượng liên tục/thường xuyên chưa được thực hiện tốt, thường chỉ thực hiện khi có vấn đề nghiêm trọng xảy ra.

Kết luận Chương 2

Qua việc khảo sát, phỏng vấn, quan sát, lấy ý kiến chuyên gia và xử lý số liệu, Chương 2 đi sâu nghiên cứu và đánh giá đúng thực trạng phát triển của 6 trường CĐN thuộc khu vực Bắc Trung bộ và Miền trung, qua đó cũng có thể khái quát được thực trạng chung của các trường hiện nay về đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội, những điểm mạnh và những điểm còn tồn tại trong hệ thống các trường dạy nghề. Luận án tập trung phân tích các nội dung liên quan đến quá trình quản lý đào tạo gồm: Bối cảnh trong và ngoài; Đầu vào; Hoạt động đào tạo; Kết quả đầu ra và mức độ hài lòng của các bên liên quan; Hệ thống và công cụ kiểm soát chất lượng, đánh giá và phản hồi thông tin, từ đó tìm ra những thuận lợi, khó khăn, những điểm mạnh, những hạn chế và phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng đến việc quản lý đào tạo của trường CĐN theo tiếp cận ĐBCL.

Chương 3

GIẢI PHÁP QUẢN LÝ ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THEO TIẾP CẬN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

3.1. Định hướng và nguyên tắc đề xuất giải pháp

3.1.1. Định hướng đề xuất các giải pháp

3.1.1.1. Định hướng theo Nghị quyết 29-NQ/TW

3.1.1.2. Định hướng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp

3.1.1.3. Định hướng theo môi trường văn hóa nghề

3.1.2. Nguyên tắc đề xuất giải pháp

3.1.2.1. Đảm bảo tính khoa học

3.1.2.2. Đảm bảo tính hệ thống

3.1.2.3. Đảm bảo tính kế thừa

3.1.2.4. Đảm bảo tính thực tiễn và khả thi

3.2. Các giải pháp quản lý đào tạo của các trường cao đẳng nghề theo tiếp cận đảm bảo chất lượng

3.2.1. Đề xuất bộ tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ báo và thang đo/đánh giá về đảm bảo chất lượng đào tạo của trường cao đẳng nghề theo quy trình “Bối cảnh - Đầu vào – Hoạt động đào tạo – Đầu ra”

3.2.1.1. Bộ tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ báo về đảm bảo chất lượng đào tạo của trường cao đẳng nghề

Bộ tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ báo về ĐBCL đào tạo của trường CĐN đề xuất dưới đây gồm 05 tiêu chuẩn, 15 tiêu chí và 100 chỉ báo được xây dựng dựa trên khung lý luận và đã được sử dụng để thiết kế công cụ khảo sát thực trạng của vấn đề nghiên cứu và sau đó được điều chỉnh dựa trên thực tiễn các trường CĐN tham gia khảo sát:

Tiêu chuẩn 1: Tiêu chuẩn CHUNG

Tiêu chí 1: Sứ mạng, giá trị, tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược và quy hoạch phát triển trường CĐN.

1. Sứ mạng, giá trị, tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược và quy hoạch phát triển trường CĐN phù hợp với định hướng phát triển KT-XH, GD&ĐT của địa phương và ngành.

2. Sứ mạng, giá trị, tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược và quy hoạch phát triển nhà trường đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan¹ của trường CĐN.

3. Mục tiêu, chiến lược và quy hoạch phát triển trường CĐN được định kỳ rà soát, điều chỉnh hàng năm.

¹ Các bên liên quan bao gồm: các cấp quản lý, người dạy/NG, người học, bên SDLĐ...

4. Sứ mạng, giá trị, tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược và quy hoạch phát triển trường CĐN được công bố công khai và dễ tiếp cận với các bên liên quan.

Tiêu chí 2: Cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý của trường CĐN

5. Cơ cấu tổ chức² của trường CĐN phù hợp với cơ cấu ngành nghề và qui mô đào tạo của trường.

6. Cơ cấu tổ chức về ĐBCL đào tạo phù hợp với cơ cấu ngành nghề và qui mô đào tạo của trường.

7. Chiến lược và chính sách về ĐBCL đào tạo rõ ràng và phù hợp.

8. Qui định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ gắn với quyền hạn, tính chịu trách nhiệm xã hội và quy trình phối hợp theo hướng đảm bảo quyền tự chủ và chịu trách nhiệm của các đơn vị của trường.

9. Các qui định về tổ chức và cơ chế quản lý trên được rà soát, điều chỉnh định kỳ hàng năm.

10. Hệ thống văn bản qui định về tổ chức và cơ chế quản lý trên được công bố công khai và dễ tiếp cận với các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 2: ĐẦU VÀO

Tiêu chí 3: Tổ chức phát triển CĐR

11. Quá trình xây dựng/điều chỉnh CĐR lõi cuốn được sự tham dự của các bên liên quan.

12. CĐR đáp ứng được các yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là bên SDLĐ.

13. CĐR đáp ứng được yêu cầu học tập suốt đời của người học.

14. CĐR đảm bảo liên thông với các cấp, bậc học của ngành nghề liên quan.

15. CĐR được rà soát, điều chỉnh định kỳ 3-5 năm một lần.

16. Văn bản về CĐR được công bố công khai và dễ tiếp cận với các bên liên quan.

Tiêu chí 4: Tổ chức phát triển CTĐT dựa vào CĐR

17. CTĐT được xây dựng dựa trên CĐR.

18. CTĐT cụ thể hóa CĐR thành kiến thức, kỹ năng và thái độ cần có để hình thành năng lực.

19. Nội dung CTĐT đảm bảo cân bằng giữa lý thuyết, thực hành và thực tập.

20. Nội dung CTĐT được cụ thể hóa thành chương trình các mô đun, môn học và

² Cơ cấu tổ chức của trường CĐN gồm: Hội đồng trường, các hội đồng tư vấn; các đơn vị quản lý, phòng chức năng, các khoa, bộ môn; các tổ chức xã hội, đảng, đoàn thể... (gọi tắt là các đơn vị)

bài thi tốt nghiệp

21. Cấu trúc CTĐT kết nối chặt chẽ rõ ràng giữa các mô đun, môn học, bài thi tốt nghiệp để đạt tới CDR.

22. Khối lượng/tải trọng học tập của CTĐT phù hợp với ngành nghề đào tạo

23. CTĐT, mô đun, môn học cho biết áp dụng phương pháp giảng dạy, học tập nào để đạt tới CDR.

24. CTĐT, mô đun, môn học cho biết áp dụng phương pháp đánh giá nào để đạt tới CDR.

25. Nội dung CTĐT, mô đun, môn học được rà soát, điều chỉnh và cập nhật thường xuyên.

26. CTĐT, mô đun, môn học phản ánh được sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu của trường CDN.

27. Quá trình xây dựng CTĐT, mô đun, môn học lôi cuốn được sự tham dự của các bên liên quan.

28. Văn bản CTĐT, mô đun, môn học được công bố công khai và dễ tiếp cận với các bên liên quan.

Tiêu chí 5: Đảm bảo chất lượng tuyển sinh/xét tuyển

29. Chính sách và qui định về tuyển sinh rõ ràng, minh bạch và công bằng.

30. Các tiêu chí hay yêu cầu tuyển sinh phù hợp với từng CTĐT theo ngành nghề.

31. Quy trình tuyển sinh phù hợp với sự tham dự của các bên liên quan.

32. Văn bản qui định về tuyển sinh được công bố công khai và dễ tiếp cận với các bên liên quan.

33. Bên SDLĐ cung cấp thông tin về nhu cầu nhân lực cần đào tạo toàn diện và kịp thời.

Tiêu chí 6: Đảm bảo chất lượng CBQL, NG và NV

34. Chiến lược và/hay quy hoạch phát triển đội ngũ CBQL và NG (về số lượng, chất lượng và cơ cấu) phù hợp với chiến lược phát triển trường CDN.

35. CBQL và NG đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình.

36. Tuyển chọn, sử dụng và thăng tiến CBQL và NG minh bạch, công bằng dựa trên các tiêu chuẩn/chỉ năng lực.

37. Các nhiệm vụ được phân bổ phù hợp với trình độ/bằng cấp, kinh nghiệm, năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của CBQL và NG.

38. Tải trọng công việc và hệ thống khuyến khích được thiết kế phù hợp để hỗ trợ

chất lượng đào tạo.

39. Trách nhiệm xã hội của CBQL và NG được duy trì tốt.

40. Cải tiến, tư vấn và luân chuyển/bổ trí lại CBQL và NG được thực hiện định kỳ.

41. Hệ thống đánh giá CBQL và NG khách quan, công bằng, minh bạch.

42. Người học tham gia đánh giá giảng dạy/đào tạo của NG khách quan, công bằng và dân chủ.

43. Đội ngũ NG, NV tham gia đánh giá CBQL khách quan, công bằng và dân chủ.

44. Chính sách thu hút và duy trì đội ngũ CBQL và NG có trình độ phù hợp.

45. NV thư viện đủ số lượng và năng lực phục vụ thỏa mãn các bên liên quan.

46. NV thí nghiệm, thực hành đủ số lượng và năng lực phục vụ thỏa mãn các bên liên quan.

47. NV phòng máy tính đủ số lượng và năng lực phục vụ thỏa mãn các bên liên quan.

48. NV dịch vụ hỗ trợ người học đủ số lượng và năng lực phục vụ thỏa mãn các bên liên quan.

49. Kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho đội ngũ CBQL, NG và NV phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu phát triển của trường CĐN.

50. Kế hoạch phát triển nghề nghiệp đáp ứng được nhu cầu của đội ngũ CBQL, NG và NV.

51. CTĐT, bồi dưỡng đáp ứng được nhu cầu phát triển đội ngũ CBQL, NG và NV.

Tiêu chí 7: ĐBCL CSVC, phương tiện dạy học/thực hành và tài chính

52. Hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đáp ứng được công tác đào tạo của nhà trường.

53. Thư viện có đủ số lượng, chủng loại giáo trình, sách báo, tài liệu chuyên môn, báo, tạp chí chuyên ngành phù hợp với các ngành nghề đào tạo và thường xuyên được cập nhật.

54. Hệ thống máy tính và mạng nội bộ (LAN) phù hợp và thường xuyên được cập nhật hiện đại.

55. Phương tiện dạy học, thực tập hiện đại và phân bổ sử dụng hiệu quả.

56. Hạ tầng, CSVC và phương tiện dạy học, thực tập đáp ứng được các tiêu chí và qui định về mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp, sư phạm cũng như môi

trường, an toàn, y tế...

57. Nhà trường huy động đủ nguồn tài chính và sử dụng đúng mục đích, qui định và hiệu quả.

Tiêu chuẩn 3: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Tiêu chí 8: Chiến lược đào tạo/giảng dạy và học tập

58. Chiến lược đào tạo/GD&HT lấy người học làm trọng tâm và đảm bảo học tập có chất lượng .

59. Chiến lược đào tạo/GD&HT đảm bảo giúp người học nắm được và sử dụng kiến thức một cách khoa học.

60. Chiến lược đào tạo/GD&HT khuyến khích người học vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

61. Chiến lược đào tạo/GD&HT tạo điều kiện thuận lợi cho cách học tập tương tác của người học .

62. Chiến lược đào tạo/GD&HT khuyến khích người học học cách học và tự học.

Tiêu chí 9: Tổ chức đào tạo/giảng dạy và học tập

63. Các phương thức đào tạo được đa dạng hóa để đáp ứng yêu cầu của người học.

64. Bên SDLĐ, đặc biệt là doanh nghiệp tham gia hiệu quả vào quá trình đào tạo (biên soạn tài liệu giảng dạy/đào tạo, dạy thực hành, soạn ngân hàng thi, cung cấp nơi thực tập, chấm thi tốt nghiệp...).

65. Bên SDLĐ, đặc biệt là doanh nghiệp tạo cơ hội tiếp nhận, hướng dẫn người học thực tập hiệu quả.

66. Khóa học và chương trình thường xuyên được đánh giá với sự tham dự của các bên liên quan.

67. Tỷ lệ người dạy trên người học đúng qui định.

Tiêu chí 10: Đánh giá tiến trình học tập của người học

68. Đánh giá tiến trình học tập của học người học bao gồm cả đánh giá kết quả nhập học, quá trình học tập và tốt nghiệp.

69. Đánh giá theo dấu vết của người tốt nghiệp (kết quả tìm được việc làm, mức độ đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm của bên SDLĐ...) được thực hiện định kỳ hàng năm.

70. Tiêu chuẩn/chí đánh giá người học được xây dựng dựa trên CĐR và CTĐT, mô đun, môn học.

71. Sử dụng các phương pháp khác nhau để đánh giá người học.

72. Các phương pháp đánh giá bao phủ tất cả các mục tiêu của CTĐT, mô đun, môn học.

73. Phương pháp đánh giá phù hợp với người trưởng thành³

74. Người học được tạo cơ hội để nhận xét và/hay khiếu nại về kết quả đánh giá.

Tiêu chí 11: ĐBCL các dịch vụ tư vấn và hỗ trợ người học

75. Hệ thống kiểm soát tiến trình học tập của người học phù hợp và hiệu quả.

76. Người học được tư vấn, hỗ trợ và phản hồi thông tin về học thuật phù hợp với tiến trình học tập.

77. Tổ chức phụ đạo cho người học có chất lượng, phù hợp và kịp thời.

78. Môi trường học thuật, vật chất, xã hội và tâm lý tích cực và thỏa mãn người học.

79. Người học được thường xuyên cung cấp thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm.

Tiêu chuẩn 4: KẾT QUẢ ĐẦU RA và MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tiêu chí 12: Kết quả đầu ra

80. Tỷ lệ tốt nghiệp đáp ứng được chỉ tiêu đã đề ra và tỷ lệ bỏ học ở mức độ chấp nhận được.

81. Thời gian trung bình từ lúc bắt đầu học đến tốt nghiệp hợp lý.

82. Tỷ lệ người tốt nghiệp tìm được việc làm chấp nhận được.

83. Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào đào tạo/GD&HT và quản lý thỏa đáng.

Tiêu chí 13: Mức độ hài lòng của các bên liên quan

84. Các bên liên quan hài lòng với hoặc chấp nhận chất lượng đào tạo của trường CDN.

85. Người học hài lòng với nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và cách thi, đánh giá.

86. Năng lực của người tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu vị trí việc làm của bên SDLĐ.

Tiêu chuẩn 5: HỆ THỐNG và CÔNG CỤ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG,

³ Phương pháp đánh giá phù hợp với người trưởng thành: dựa trên tiêu chí, kết hợp tự đánh giá với đánh giá đồng nghiệp (người học đánh giá lẫn nhau) và đánh giá của người dạy

ĐÁNH GIÁ VÀ PHẢN HỒI THÔNG TIN

Tiêu chí 14: Hệ thống và công cụ kiểm soát chất lượng quá trình đào tạo

87. Phòng khảo thí và ĐBCL thực hiện tốt nhiệm vụ theo dõi kiểm soát/giám sát chất lượng quá trình đào tạo và phản hồi thông tin.
88. Phân chia trách nhiệm và qui trình phối hợp giữa Phòng khảo thí và ĐBCL với các đơn vị/bộ phận khác của nhà trường hợp lý.
89. Kết quả kiểm soát/giám sát chất lượng quá trình đào tạo được phản hồi kịp thời cho các bên liên quan để cải tiến liên tục và ngăn chặn sai sót trước khi xảy ra
90. Hướng dẫn, hỗ trợ và đào tạo/bồi dưỡng đáp ứng được nhu cầu của đội ngũ CBQL, NG và NV làm công tác kiểm soát quá trình đào tạo và đánh giá KQGD.
91. Bộ tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số ĐBCL đào tạo được thiết kế phù hợp với nhà trường.
92. Quy trình tự đánh giá ĐBCL đào tạo được thiết kế phù hợp với nhà trường.
93. Kết hợp sử dụng các công cụ khác nhau để kiểm soát chất lượng quá trình đào tạo⁴.
94. Kết hợp sử dụng các phương pháp khác nhau để thu thập dữ liệu⁵ phục vụ cho kiểm soát/giám sát chất lượng quá trình đào tạo.
95. Kết hợp sử dụng các công cụ khác nhau để đánh giá kết quả giáo dục⁶.

Tiêu chí 15: Phản hồi thông tin từ các bên liên quan

96. Cấu trúc thông tin phản hồi phù hợp với các đặc trưng của thị trường lao động.
97. Cấu trúc thông tin phản hồi phù hợp với các đặc trưng của người dạy, nhân viên hỗ trợ.

⁴ Công cụ kiểm soát chất lượng quá trình đào tạo thường là *phân tích dữ liệu, biểu đồ thống kê* về: Tiến trình học tập (trình độ/năng lực: đầu vào– quá trình học tập - thi tốt nghiệp) của người học; Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học; Phản hồi thông tin từ thị trường lao động/bên SDLĐ và người đã tốt nghiệp; Gắn kết quả nghiên cứu khoa học với giảng dạy/đào tạo và học tập...; Chất lượng nội dung CTĐT, mô đun, môn học...

⁵ Các phương pháp thu thập dữ liệu thường bao gồm: Đánh giá trình độ/năng lực đầu vào – quá trình học tập - thi tốt nghiệp của người học; khảo sát, điều tra bằng phiếu hỏi, họp, tham vấn, phỏng vấn với các bên liên quan; tổ chức hệ thống tiếp nhận thông tin qua website, hotline, hộp thư góp ý...; kiểm tra thực tế (thị sát), dự giờ; sử dụng các kết quả từ các nguồn nghiên cứu khác...

⁶ Các công cụ đánh giá KQGD của người học thường bao gồm: Đánh giá tỷ lệ người tốt nghiệp kiếm được việc làm sau khi tốt nghiệp 06 tháng, 01 năm...; mức độ hài của bên SDLĐ với trình độ/năng lực của người tốt nghiệp theo vị trí việc làm...

98. Cấu trúc thông tin phản hồi phù hợp với các đặc trưng của người học và người tốt nghiệp.

99. Cấu trúc thông tin phản hồi phù hợp với các đặc trưng của cấp quản lý.

100. Các kết quả phản hồi thông tin từ các bên liên quan được sử dụng để cải tiến liên tục chất lượng đào tạo cũng như ngăn ngừa các sai sót trước khi xảy ra.

3.2.1.2. Thang đo/đánh giá đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo của trường cao đẳng nghề

Bộ tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ báo (gọi tắt là Bộ tiêu chuẩn) trên có thể được *đo/đánh giá theo 05 mức độ: “Rất tốt”, “Tốt”, “Đạt/Trung bình”, “Chưa đạt” và “Yếu” để đo/đánh giá kết quả ĐBCL CTĐT của trường CĐN.*

3.2.2. Thiết lập hệ thống đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo bên trong của trường cao đẳng nghề

a) Mục tiêu và ý nghĩa của giải pháp: Hệ thống ĐBCL đào tạo bên trong nhằm giúp trường CĐN có thể quản lý và kiểm soát/giám sát theo “dấu vết” các hoạt động liên quan đến chất lượng đào tạo/CTĐT nhằm cải tiến liên tục chất lượng và vì vậy, có thể ngăn chặn các sai sót trước khi xảy ra.

b) Nội dung và cách thức thực hiện giải pháp: Đặc trưng cơ bản của ĐBCL đào tạo/CTĐT là lôi cuốn sự tham sự của tất cả các bên liên quan trong và ngoài nhà trường, chứ không chỉ bao gồm vai trò lãnh đạo và quản lý của hiệu trưởng hay phó hiệu trưởng nhà trường. Vì vậy, đòi hỏi ĐBCL đào tạo/CTĐT của trường CĐN cần duy trì nỗ lực tham dự của tất cả các bên liên quan (lãnh đạo và quản lý các cấp, nhà giáo và nhân viên, người học và bên sử SDLĐ...) theo định hướng là vai trò của người lãnh đạo và quản lý là truyền tải ý tưởng/thông điệp về chất lượng tới tất cả nhà giáo và các bên liên quan để họ thấy được trách nhiệm và quan trọng hơn là tự cam kết để cải tiến liên tục chất lượng đào tạo.

3.2.3. Quy trình tự đánh giá quản lý đào tạo của trường cao đẳng nghề theo tiếp cận đảm bảo chất lượng

a) Mục đích và ý nghĩa của giải pháp: Mục đích của tự đánh giá quản lý đào tạo của trường CĐN theo tiếp cận ĐBCL là nhằm xác định các điểm mạnh để phát huy và đặc biệt là các mặt yếu/hạn chế để kịp thời khắc phục. Kết quả của tự đánh giá không chỉ được sử dụng để cải tiến liên tục chất lượng đào tạo của trường CĐN, mà còn được sử dụng làm cơ sở cho kiểm định chất lượng đào tạo hoặc kiểm toán chất lượng đào tạo bên trong của trường CĐN.

b) Nội dung và cách thức thực hiện giải pháp: Dựa vào bộ tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ báo về quản lý đào tạo theo tiếp cận ĐBCL của trường CĐN ở trên và vận dụng chu trình PDCA của Deming cho thấy tự đánh giá chất lượng đào tạo hay tại cấp độ CTĐT của trường CĐN bao gồm 04 giai đoạn: Lập kế hoạch – Thực hiện – Kiểm tra – Hành động.

3.2.4. Thiết lập cơ chế quản lý cân bằng giữa tập trung và phân cấp trong quản lý đào tạo theo tiếp cận đảm bảo chất lượng đào tạo của trường cao đẳng nghề

a) Mục tiêu và ý nghĩa của giải pháp: Một trong nhân tố ảnh hưởng chính để vận hành tốt hệ thống ĐBCL đào tạo/CTĐT của trường CĐN là cần có các cấu trúc tổ chức phù hợp cho ĐBCL và đặc biệt là đảm bảo cân bằng giữa quản lý tập trung và chuyển giao trách nhiệm hay phân cấp quyền tự chủ cho các bên liên quan trong trường CĐN.

b) Nội dung giải pháp: Để quản lý đào tạo theo tiếp cận ĐBCL của trường CĐN thành công đòi hỏi phải phối hợp cách tiếp cận “trên – xuống” và “dưới – lên”, vì vậy, không chỉ kết hợp mà còn phải cân bằng giữa quản lý tập trung và phân cấp trong ĐBCL đào tạo/CTĐT.

c) Cách thức thực hiện giải pháp

(1) Xây dựng bức tranh hiện trạng về tập trung và phân cấp trong ĐBCL đào tạo/CTĐT của trường CĐN.

(2) Phân tích hiện trạng về tập trung và phân cấp trong ĐBCL đào tạo/CTĐT của trường CĐN.

(3) Xây dựng các biện pháp đảm bảo cân bằng giữa tập trung và phân cấp trong ĐBCL đào tạo của trường CĐN.

3.2.5. Nâng cao năng lực quản lý đào tạo của trường cao đẳng nghề theo tiếp cận đảm bảo chất lượng

a) Mục đích và ý nghĩa của giải pháp: Thực hiện quản lý đào tạo/CTĐT của trường CĐN theo tiếp cận ĐBCL chắc chắn đòi hỏi các thủ tục/quy trình và công cụ mới và vì vậy, cần tổ chức nâng cao năng lực cho các bên liên quan của nhà trường để thích nghi với các công cụ và các thủ tục/quy trình mới này.

b) Nội dung giải pháp: Có một số cách phân loại khác nhau, nhưng nhìn chung năng lực quản lý đào tạo của các trường CĐN theo tiếp cận ĐBCL thường được đặc trưng bởi:

(1) Sự lãnh đạo và quản lý;

(2) Mức độ tinh thông nghề nghiệp của người lãnh đạo, quản lý và nhân viên.

(3) Các nguồn lực cần có cho ĐBCL đào tạo/CTĐT.

c) Cách thức thực hiện giải pháp:

(1) Tổ chức phát triển khung năng lực QLCL đào tạo của cán bộ lãnh đạo, quản lý và nhân viên trường CĐN

(2) Đánh giá nhu cầu cần đào tạo, bồi dưỡng về QLCL đào tạo của cán bộ lãnh đạo, quản lý và nhân viên trường CĐN dựa các khung năng lực trên

(3) Tổ chức bồi dưỡng về QLCL đào tạo cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nhân viên trường CĐN dựa vào khung năng lực

3.3. Môi quan hệ giữa các giải pháp

3.4. Khảo nghiệm tính cấp thiết và khả thi của các giải pháp

Tác giả đã nhận đủ 133 phiếu trả lời. Kết quả thăm dò về mức độ cần thiết và mức độ khả thi của giải pháp của 05 giải pháp được đánh giá rất cao trên 90%.

3.5. Thử nghiệm tác động và kiểm chứng giải pháp quản lý đảm bảo chất lượng đào tạo tại các trường cao đẳng nghề

Tác giả lựa chọn giải pháp 1 “*Bộ tiêu chuẩn*” trong 5 giải pháp để tiến hành tác động vào hoạt động quản lý đào tạo của trường CĐN theo tiếp cận ĐBCL. Kết quả đánh giá chất lượng quản lý đào tạo của trường CĐN theo tiếp cận ĐBCL sử dụng Bộ tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ báo do đề tài luận án đề xuất trên sau thử nghiệm đều được nhất trí tương đối cao, cụ thể là: đã phản ánh cụ thể, rõ ràng, chính xác thực trạng quản lý đào tạo của Nhà trường trong những năm gần đây.

Hơn nữa, theo các chuyên gia, ưu điểm của Bộ tiêu chuẩn này là bao phủ được hết các nội dung của ĐBCL đào tạo của trường CĐN, tương thích với các tiêu chuẩn ĐBCL đào tạo của các nước trong khu vực cũng như Việt Nam và dựa vào nội dung của Bộ tiêu chuẩn này có thể giúp viết báo cáo thực trạng tương đối đơn giản và nhanh, vì vậy, không chỉ giúp Nhà trường thường xuyên xác định được hạn chế và nguyên nhân của thực trạng, mà còn là tiêu chuẩn để đề xuất giải/biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo thường xuyên, liên tục.

Kết luận Chương 3

Căn cứ vào cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn quản lý đào tạo của trường CĐN theo tiếp cận ĐBCL. Tác giả cho rằng để QLĐT của trường CĐN theo tiếp cận ĐBCL thì chủ thể quản lý cần biết thực hiện đồng bộ một hệ thống các giải pháp

thống nhất hỗ trợ nhau gắn với nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của xã hội và thị trường lao động. Luận án đã đề xuất 5 giải pháp, tác giả đã tổ chức khảo nghiệm và thử nghiệm 01 giải pháp, kết quả cho thấy giải pháp đề xuất có tính cần thiết và tính khả thi cao. Tác giả cũng đã phân tích rõ trách nhiệm của các chủ thể có liên quan tới giải pháp giúp các nhà quản lý, những ai quan tâm có thể dễ dàng tham khảo.

Kết luận và Khuyến nghị

1. Kết luận

1.1. ĐBCL đào tạo của trường CĐN luôn là hoạt động có ý nghĩa quan trọng, quyết định việc thực hiện mục tiêu đào tạo, nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng, đáp ứng tốt nhất thị trường lao động.

1.2. ĐBCL là một cách tiếp cận trong quản lý hiện nay được vận dụng hầu hết trong mọi lĩnh vực. Đối với giáo dục nghề nghiệp đây là phương pháp quản lý đào tạo hiệu quả cho các cơ sở đào tạo nghề, trong đó có CĐN.

1.3. Các trường CĐN ở Việt Nam hiện đang mạnh ai người ấy làm, chưa xây dựng được các giải pháp quản lý, lộ trình và các điều kiện tổ chức đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng; chưa có các văn bản pháp quy để chỉ đạo các trường CĐN tổ chức và quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng.

1.4. Mặc dù nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp lớn, nhìn chung chất lượng sinh viên tốt nghiệp tay nghề còn hạn chế, vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. Lý do của tình trạng này là sự yếu kém trong tổ chức và quản lý quá trình đào tạo của các trường CĐN.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Bộ LĐTB&XH

2.2. Đối với trường CĐN

2.3. Đối với Bên sử dụng lao động